TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **01**/2020/KDTM - ST
Ngày: 17/ 01/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Ông Trần Tuấn Hưởng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại hội trường Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST- KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường X, quận Y, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Doãn Mạnh C – Giám đốc Ngân hàng TMCP A – chi nhánh TH *(Văn bản ủy quyền số 1015/UQ. TGĐ.18 ngày 24/9/2018)*

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Luân Minh G1 – Nhân viên xử lý nợ 1 *(Văn bản ủy quyền số 134/GUQ ngày 20/5/2019)(Có mặt)*

Địa chỉ: Tầng 3, số 458, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố TH

* Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư Đ

Địa chỉ: Tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn K - chức vụ: Giám đốc *(Vắng mặt)*

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công G (Cổ đông sáng lập) – trú tại xóm S, xã P, huyện Đ, tỉnh TH (Vắng mặt).

2. Ông Đỗ Ngọc Q (Cổ đông sáng lập) – trú tại xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh TH (Vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, bản tự khai - đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 17/8/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) ký hợp đồng cấp tín dụng số TNG.DN.836.250717 với Công ty cổ phần đầu tư Đ (Công ty Đ) theo phương thức giải ngân được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Ngày 23/01/2018 ACB và Công ty Đ đã ký kết khế ước nhận nợ số 254795769 giải ngân cho Công ty Đ vay tổng số tiền 1.800.000.000đ. Công ty cổ phần đầu tư Đ đã nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ĐN và Doanh nghiệp tư nhân kim khí vật tư T vào ngày 23/01/2018. Thời hạn vay 05 tháng, lãi suất vay 8,8%/năm được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu và được điều chỉnh 03tháng/lần.

Trong quá trình vay, tính đến ngày 10/12/2018 Công ty Đ đã thanh toán số tiền 25.000.000đ trừ vào tiền gốc và tiền lãi 55.627.397đ của 04 tháng (từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2018). Từ đó cho đến nay Công ty chưa thanh toán được tiền gốc và lãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư Đ phải thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 29/10/2019 số tiền gốc 1.775.000.000đ, lãi trong hạn 15.016.438đ, lãi quá hạn 378.668.836đ. Tổng cộng 2.168.685.274đ *(Hai tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm bẩy mươi bốn đồng)*.

Nếu Công ty không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 079220 do UBND tỉnh TH cấp ngày 14/9/2015 cho Công ty cổ phần đầu tư Đ. Tài sản gắn liền với đất là trụ sở làm việc 03 tầng có diện tích xây dựng 130m2, diện tích sử dụng (diện tích sàn) 320m2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép chịu lực, kết hợp tường gạch xây bao che, sàn mái đổ bê tông cốt thép. Đồng thời buộc ông Đỗ Văn K liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết trả nợ ký ngày 17/8/2017.

Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Hợp đồng cấp tín dụng số TNG.DN.836.250717 và khế ước nhận nợ số 254795769 ngày 23/01/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/8/2018; Giấy đề nghị giải ngân ngày 23/01/2018; Ủy nhiệm chi ngày 23/01/2018; Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 17/8/2017.

Anh Nguyễn Công G (Cổ đông sáng lập) trình bày: Công ty cổ phần đầu tư Đ có trụ sở chính ở tổ Z, phường P, thành phố TH được thành lập có 03 cổ đông góp vốn, bản thân tôi góp 15% = 840.000.000đ. Trong quá trình Công ty hoạt động tôi không biết, tôi không liên quan. Mọi hoạt động của Công ty do ông Đỗ Văn K - Giám đốc thực hiện. Việc Công ty vay vốn ở Ngân hàng A là theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 17/8/2017. Tôi xác định không liên quan đến vụ kiện trên.

Tại biên bản xác minh ngày 15/11/2019 tại Doanh nghiệp tư nhân kim khí vật tư T xác định: Ngày 23/01/2018 DNTN T có nhận khoản tiền do Công ty cổ phần

đầu tư Đ chuyển để thanh toán tiền mua thép qua Ngân hàng A. Doanh nghiệp đã nhận khoản tiền 1.654.554.000đ theo Ủy nhiệm chi ngày 23/01/2018.

Tại văn bản số 47/NHNo.TH – KTKS ngày 10/01/2020 của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam xác nhận giao dịch chuyển tiền từ Công ty cổ phần đầu tư Đ đến Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ĐN bằng tiếp nhận lệnh chuyển tiền điện tử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư Đ, cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghãi vụ liên quan đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải được. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm: Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư Đ phải thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2020) số tiền gốc 1.775.000.000đ, lãi trong hạn 15.016.438đ, lãi quá hạn 440.708. 733đ. Tổng cộng 2.230.725.171đ *(Hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bẩy trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bẩy mươi mốt đồng)* và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 17/01/2020 cho đến ngày Công ty cổ phần đầu tư Đ trả hết số nợ. Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết như: Thụ lý vụ án, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần đầu tư Đ phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 17/01/2020 là 2.230.725.171đ (bao gồm cả gốc và lãi). Trường hợp Công ty không trả được thì Ngân hàng TMCP A được quyền đề nghị phát mại tài sản đã thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay của Công ty Đ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 079220 do UBND tỉnh TH cấp ngày 14/9/2015. Tài sản gắn liền với đất

là trụ sở làm việc 03 tầng có diện tích xây dựng 130m2, diện tích sử dụng (diện tích sàn) 320m2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép chịu lực, kết hợp tường gạch xây bao che, sàn mái đổ bê tông cốt thép.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư Đ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số TNG.DN.836.250717. Xác định đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư Đ có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố TH thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần đầu tư Đ gồm 03 thành viên *(Ông Đỗ Văn K, ông Đỗ Ngọc Q và ông Nguyễn Công G)* vào ngày 17/8/2017 đã nhất trí 100% thông qua các nội dung: Đề nghị Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho Công ty cổ phần Đ bằng hình thức cho vay; Dùng tài sản là thửa đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần đầu tư Đ để bảo đảm cho các nghĩa vụ bao gồm số tiền gốc, các khoản tiền lãi, phí, các khoản phải trả khác; Công ty có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng, văn bản do người đại diện theo pháp luật ký kết với ACB.

Ngày 17/8/2017 Công ty cổ phần đầu tư Đ trực tiếp là ông Đỗ Văn K - Giám đốc Công ty đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số TNG.DN.836.250717 với Ngân hàng TMCP A – chi nhánh TH để vay số tiền 1.800.000.000đ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh ngành nghề đăng ký và ký Khế ước nhận nợ số 02/Tài khoản vay 254795769 ngày 23/01/2018 để giải ngân bằng hình thức chuyển khoản thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân kim khí vật tư T và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ĐN. Cùng ngày trên, Ngân hàng TMCP A đã chuyển tiền cho doanh nghiệp tư nhân kim khí vật tư T số tiền 1.654.554.000đ qua Ngân hàng BIDV TH và chuyển cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ĐN số tiền 145.446.000đ qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh TH. Trong quá trình vay, Công ty Đ đã trả 80.627.397đ trong đó trừ vào số tiền vay gốc là 25.000.000đ, và số tiền lãi 55.627.397đ của 04 tháng (từ tháng 01 đến tháng 4 năm

2018). Từ đó cho đến nay Công ty chưa thanh toán được tiền gốc và lãi.

Nguyên đơn yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2020) số tiền gốc 1.775.000.000đ, lãi trong hạn 15.016.438đ, lãi quá hạn 440.708.733đ. Tổng cộng 2.230.725.171đ *(Hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bẩy trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bẩy mươi mốt đồng)*. Đề nghị tiếp tục tính lãi theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty cổ phần đầu tư Đ tất toán khoản vay trên tại Ngân hàng. Nguyên đơn yêu cầu được phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở bởi các lý do sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số TNG.DN.836.250717 ngày 17/8/2017 được ký kết và thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật. Theo khế ước nhận nợ số02/Tài khoản vay 254795769 ngày 23/01/2018 thì Công ty Đ đã được giải ngân bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ĐN và Doanh nghiệp tư nhân kim khí vật tư T vào ngày 23/01/2018 với tổng số tiền 1.800.000.000đ. Từ khi vay được tiền, Công ty mới trả cho Ngân hàng 25.000.000đ trừ vào tiền gốc và tiền lãi 55.627.397đ của 04 tháng (từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2018). Từ tháng 12/2018 cho đến nay Công ty chưa trả được thêm số tiền gốc và lãi nào. Như vậy Công ty cổ phần đầu tư Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể Công ty cổ phần đầu tư Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2020) tổng cộng 2.230.725.171đ *(Hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bẩy trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bẩy mươi mốt đồng)*. Trong đó số tiền gốc 1.775.000.000đ, lãi trong hạn 15.016.438đ, lãi quá hạn 440.708.733đ.

[2.2] Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là thửa đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 079220 do UBND tỉnh TH cấp ngày 14/9/2015 cho Công ty cổ phần đầu tư Đ. Tài sản gắn liền với đất là trụ sở làm việc 03 tầng có diện tích xây dựng 130m2, diện tích sử dụng (diện tích sàn) 320m2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép chịu lực, kết hợp tường gạch xây bao che, sàn mái đổ bê tông cốt thép.

Ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố TH tiến hành thẩm định lần hai xác định thửa đất đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 079220 do UBND tỉnh TH cấp ngày 14/9/2015 có diện tích 196,6m2 cho Công ty cổ phần đầu tư Đ. Do bị đơn khóa cửa nên Hội đồng xem xét thẩm định chỉ tiến hành thẩm định nhìn từ bên ngoài vào: Tài sản trên đất có 01 nhà xây 02 tầng 01 tum là trụ sở làm việc, sân sau của tum lợp mái tôn, có hàng rào bao quanh nhà xây bằng gạch, 01 cổng sắt có mái lợp ngói, có 02 trụ cổng.

Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/8/2018 do ông Đỗ Văn K - chức vụ Giám đốc Công ty ký với Ngân hàng

TMCP A được thực hiện tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh TH và Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh TH đã đảm bảo đúng trình tự quy định, việc ký kết không bị ép buộc, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của Công ty. Tại biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần đầu tư Đ vào ngày 17/8/2017 đã nhất trí 100% thông qua các nội dung: Đề nghị Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho Công ty Đ bằng hình thức cho vay; Dùng tài sản là thửa đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần đầu tư Đ để bảo đảm cho các nghĩa vụ bao gồm số tiền gốc, các khoản tiền lãi, phí, các khoản phải trả khác; Công ty có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng, văn bản do người đại diện theo pháp luật ký kết với ACB. Do đó nếu Công ty không thanh toán khoản tiền trên thì Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản đã thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay của Công ty Đ là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty cổ phần đầu tư Đ phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm theo quy định.

[2.3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Nghị Q 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB). Buộc Công ty cổ phần Đầu tư Đ phải thanh toán cho Ngân hàng ACB toàn bộ khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/01/2020): Tổng cộng số tiền 2.230.725.171đ *(Hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bẩy trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bẩy mươi mốt đồng)*. Trong đó số tiền gốc 1.775.000.000đ, lãi trong hạn 15.016.438đ, lãi quá hạn 440.708.733đ.

Công ty cổ phần đầu tư Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong

2. Trong trường hợp Công ty cổ phần đầu tư Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TGN.BĐDN.486.250717 ký kết ngày 17/8/2017 tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh TH như sau: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ 36, địa chỉ tổ Z, phường P, thành phố TH, tỉnh TH theo GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 079220 do UBND tỉnh TH cấp ngày

14/9/2015. Tài sản gắn liền với đất là trụ sở làm việc 03 tầng có diện tích xây dựng 130m2, diện tích sử dụng (diện tích sàn) 320m2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép chịu lực, kết hợp tường gạch xây bao che, sàn mái đổ bê tông cốt thép thuộc quyền sử dụng của Công ty cổ phần đầu tư Đ.

3. Án phí: Công ty cổ phần đầu tư Đ phải chịu 76.614.500đ (*Bẩy mươi sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0001528 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần đầu tư Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Chi cục THADS TP TH;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Chi cục THADS TP TH;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 27 tháng 9 năm 2019;

Tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH

VớiHội đồng xét xửsơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Tiến hành nghị án vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", giữa:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên rượu vang Thăng Long

Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Vinh – chức vụ: Giám đốc *(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/6/2019)*

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Hoàng – Luật sư *(Văn bản ủy quyền số 01/GUQ ngày 26/6/2019)*

Địa chỉ: 186 Quan Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

* Bị đơn: Ông Trịnh Xuân Hưng – Đại diện hộ kinh doanh Trịnh Xuân Hưng

Địa chỉ: Tổ 27, phường Hương Sơn, thành phố TH, tỉnh TH

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 178, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Nghị Q 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu Q: nhất trí 3/3

***2. Tuyên xử*:**

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Rượu vang Thăng Long đối với ông Trịnh Xuân Hưng – chủ hộ kinh doanh Trịnh Xuân Hưng theo Hợp đồng mua bán số 41/PP/HĐMB/RVTL/2015 ngày 01/12/2015.

Buộc ông Trịnh Xuân Hưng – chủ hộ kinh doanh Trịnh Xuân Hưng phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Rượu vang Thăng Long số tiền 825.154.011đ *(Tám trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi bốn nghìn không trăm mười một đồng)* (gồm nợ gốc 713.472.553đ + lãi chậm thanh toán 111.681.458đ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu Q: nhất trí 3/3

2.2. Án phí: Ông Trịnh Xuân Hưng – chủ hộ kinh doanh Trịnh Xuân Hưng phải chịu 36.754.620 đ (*Ba mươi sáu triệu bẩy trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Công ty TNHH Một thành viên Rượu vang Thăng Long số tiền tạm ứng án phí 17.824.000đ *(Mười bẩy triệu támtrăm hai mươi bốn nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0007421 ngày 15/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Kết quả biểu Q: nhất trí 3/3

2.3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên rượu vang Thăng Long có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Xuân Hưng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu Q: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc